

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.H1
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 219/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2023
V/v Ly hôn giữa anh B và chị M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.H1, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.H1, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.H1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Mai Văn B, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm T.N, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định; “có đơn xin vắng mặt”;

- **Bị đơn:** Chị Lương Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm Đông Nghĩa, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định; “có đơn xin vắng mặt”;

- **Người làm chứng:** Anh Lương Văn K, sinh năm 1982; địa chỉ: xóm B.N, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định; “xin vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 30 tháng 6 năm 2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Mai Văn B trình bày:

Anh Mai Văn B và chị Lương Thị M tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, năm 1995 anh chị có đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn nhưng anh không nhớ cụ thể ngày tháng đăng ký vì giấy đăng ký kết hôn bị mất nên anh không có tài liệu nộp cho Tòa án. Anh B nhớ năm 1995 hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương ngay sau khi đăng ký

kết hôn. Sau khi cưới anh chị chung sống ở xã H.H một thời gian thì vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và sinh sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng ý kiến. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh B đã về lại xã H.H làm ăn sinh sống cho đến nay, còn chị M vẫn ở thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, thỉnh thoảng có về quê nhưng chỉ về nhà bố mẹ đẻ mà không về chung sống cùng anh. Anh B và chị M sống ly thân từ năm 2004 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh B nhận thấy không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc với chị M, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh B và chị M có 02 con chung là: Mai Văn T, sinh năm 1996 và Mai Văn A, sinh năm 1998. Cả hai con chung đều đã thành niên, tự lo được cuộc sống nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không nợ tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26 tháng 7 năm 2023, bị đơn chị Lương Thị M trình bày:

Chị Lương Thị M và anh Mai Văn B tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H.H và tổ chức lễ cưới ngay sau khi đăng ký kết hôn vào năm 1995 như anh B trình bày là đúng, nhưng chị M không nhớ cụ thể ngày tháng đăng ký kết hôn, giấy đăng ký kết hôn do anh B giữ, chị không có tài liệu nộp cho Tòa án. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân như anh B trình bày. Hiện nay chị đang làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh, vẫn thường xuyên đi về nhưng không về nhà ở với anh B. Chị và anh B sống ly thân từ năm 2004 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh B xin ly hôn, chị M nhất trí ly hôn anh B vì từ lâu hai người không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đều đã thành niên như anh B trình bày là đúng, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không có tài sản chung gì, không nợ tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H.H1 tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Mai Văn B và chị Lương Thị M đều trình bày có đến UBND xã H.H đăng ký kết hôn vào năm 1995 nhưng cả hai không có tài liệu chứng cứ, chứng minh; kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã H.H, huyện H.H1 không có thông tin về việc anh Mai Văn B và chị Lương Thị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã H.H. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công

nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Mai Văn B và chị Lương Thị M. Về con chung của anh B và chị M đều đã thành niên, anh B chị M không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nguyên đơn anh Mai Văn B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Mai Văn B và bị đơn là chị Lương Thị M vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng là anh Lương Văn K đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Mai Văn B có đơn xin ly hôn chị Lương Thị M. Chị M đang làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện đăng ký thường trú tại xóm Đông Nghĩa, xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định và vẫn thường xuyên đi về nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Mai Văn B và chị Lương Thị M đều trình bày anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định vào năm 1995 nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể vì giấy đăng ký kết hôn đã bị mất. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1995 và chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng ý kiến, hai người không sống cùng nhau từ năm 2004 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh B xin ly hôn, chị M nhất trí ly hôn anh B.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị M: Mặc dù cả hai người đều trình bày có đến UBND xã H.H, huyện H.H1, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào năm 1995 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo kết quả xác minh tại UBND xã H.H, huyện H.H1 của Tòa án nhân dân huyện H.H1 thì không có thông tin anh Mai Văn B và chị Lương Thị M đăng ký kết hôn tại UBND xã H.H. Theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (Luật có hiệu lực tại thời điểm kết hôn) thì: *“Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định”*. Do đó không có căn cứ khẳng định anh Mai Văn B và chị Lương Thị M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy hôn nhân giữa anh B và chị M không được pháp luật thừa nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Mai Văn B và chị Lương Thị M.

[4] Về con chung: Anh B và chị M đều thống nhất có 02 con chung là Mai Văn T, sinh năm 1996 và Mai Văn A, sinh năm 1998, các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động, tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự đều thống nhất không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Mai Văn B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Mai Văn B và chị Lương Thị M là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Mai Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002716 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.H1. Anh B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Mai Văn B, bị đơn chị Lương Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện H.H1: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H.H1: 01 bản;
- UBND xã H.H: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái